

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Sử Thị Huyền Trang
- Ông Danh Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐ-TA ngày 15/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Danh T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp Th, xã Đ, huyện V, tỉnh Kiên Giang (có mặt);

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp Th, xã Đ, huyện V, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Danh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Đông ngày 20/4/2015. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cự cãi, bất hòa dẫn đến không thể chung sống được,

chị D đã nhiều lần bỏ nhà đi không rõ lý do. Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh T và chị D có 01 người con chung tên Danh Ngọc Tr, giới tính nữ, sinh ngày 21/01/2015 (hiện cháu Tr đang chung sống với anh T), anh T yêu cầu nuôi con chung, anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không có nợ chung, không ai nợ vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị D để chị trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh T cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng chị D không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị D. Về con chung: Đề nghị giao cháu Danh Ngọc Tr, giới tính nữ, sinh ngày 21/01/2015 cho anh T nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung và không nợ ai nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn chị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của chị D không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Anh T xin ly hôn với chị D và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh

chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh T và chị D kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Đông và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh T và chị D chung sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng anh T và chị D sống ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay, trong thời gian ly thân mỗi người sống mỗi nơi, không ai tới lui thăm nhau. Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị D. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị D.

[4] *Về con chung*: Anh T yêu cầu được nuôi con chung là Danh Ngọc Tr, giới tính nữ, sinh ngày 21/01/2015, anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Tr từ trước đến nay sống với anh T cuộc sống của con được đảm bảo, chính quyền địa phương xác nhận anh T có đủ điều kiện nuôi con, nguyện vọng của cháu Tr được chung sống với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX thống nhất giao cháu Danh Ngọc Tr, giới tính nữ, sinh ngày 21/01/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con, chị D có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh T là nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Danh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

2- Về con chung: Giao cháu Danh Ngọc Tr, giới tính nữ, sinh ngày 21/01/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng (cháu Tr đang chung sống với anh T). Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con, chị D có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4- Về án phí sơ thẩm: Anh Danh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002732 ngày 02/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; anh T đã nộp đủ án phí.

5- Nguyên đơn anh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Phong Đông (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng